

Bản án số: 825/2017/KDTM-PT

Ngày 12/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ân

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 tháng 9 năm 2017 và ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/KDTMPT ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng dịch vụ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/KDTM-ST ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 657/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH QK

Địa chỉ: 12/7D QT, Phường QR, Q. GV, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy V, trú tại 972/20A TS, Phường QE, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 20/4/2017) (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Phạm Tất T của Văn phòng Luật sư Phạm Tất T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt ngày 05/9/2017 vắng mặt ngày 12/9/2017)

Bị đơn: Công ty TNHH Quảng cáo VP

Địa chỉ: 53B NCM, Phường QR, Q. TB, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 701 tòa nhà HĐ, số 02 HH, Phường W, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Vinh Q, trú tại 97 TN, Phường QQ, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 01/UQ-VP/2016 ngày 29/02/2016) (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn có Luật sư Nguyễn Đình T của Văn phòng Luật sư Nguyễn Ngọc Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH QK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2016, Bản trình bày ngày 02/3/2016, Biên bản hòa giải ngày 18/3/2016, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/11/2016, nguyên đơn trình bày là vào các năm 2012, năm 2013 Công ty TNHH QK (gọi tắt là Công ty QK) và Công ty TNHH Quảng cáo VP (gọi tắt là Công ty VP) có quan hệ kinh doanh với nhau, theo đó Công ty VP nhận thực hiện phát sóng quảng cáo trên đài truyền hình theo đơn đặt hàng của Công ty QK. Hai bên đã ký kết rất nhiều hợp đồng trong đó có điều khoản thanh toán là Công ty QK phải thanh toán cho Công ty VP đủ 100% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký kết. Sau đó sẽ đối chiếu lịch, thời lượng phát sóng chương trình đã đầy đủ hay thiếu hoặc chưa được phát sóng. Đến nay, Công ty VP còn nợ Công ty QK số tiền là 500.000.000 đồng là số tiền Công ty VP đã nhận nhưng chưa phát sóng đầy đủ. Công ty VP cho rằng đã hoàn trả số tiền nêu trên, trong khi Công ty QK không nhận được số tiền này. Số tiền chưa hoàn trả được thể hiện tại các Văn bản mà Công ty VP gửi cho Công ty QK vào các ngày 11/02/2015, ngày 27/02/2015 và ngày 25/3/2015. Công ty VP nghi ngờ nhân viên của mình là bà Lại Thị Thanh Tr đã có hành vi chiếm giữ số tiền này, cụ thể theo Văn bản ngày 27/02/2015 Công ty VP có đề cập đến biện pháp hỗ trợ từ cơ quan điều tra. Hai bên đã 03 lần hòa giải, Công ty VP vẫn cho rằng đã trả 500.000.000 đồng bằng tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Minh T tại trụ sở Ngân hàng ACB Chi nhánh Cộng Hòa mà không có bất kỳ giấy tờ hay biên nhận gì. Nay, Công ty QK yêu cầu Công ty VP trả ngay một lần số tiền 500.000.000 đồng do Công ty VP phát sóng thiếu thời lượng và chưa phát sóng.

Bị đơn là Công ty VP có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Vinh Q trình bày là Công ty VP không đồng ý đối với yêu cầu của Công ty QK về việc đòi Công ty VP trả số tiền còn thiếu là 500.000.000 đồng vì sau khi ký kết hợp đồng, Công ty VP sẽ đặt lịch cho đài truyền hình để phát sóng. Tất cả các hợp đồng đã ký kết thì Công ty VP đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty QK, thời gian sau Công ty VP còn chuyển cho Công ty QK các khoản dịch vụ phí ngoài hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Công ty QK vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và xác định không kiện hợp đồng phát sóng cụ thể nào mà kiện đòi số tiền mà Công ty VP còn

thiếu Công ty QK từ các hợp đồng trước đây được thể hiện qua 05 văn bản trao đổi giữa hai công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày là giữa Công ty VP và Công ty QK có ký kết tổng cộng là 17 hợp đồng dịch vụ có giá trị là 25.051.311.000 đồng. Theo Điều 3 của hợp đồng thì trong trường hợp có phát hiện sai sót, phát sóng thiếu, phát sai mẫu... thì trong vòng 03 ngày Công ty QK phải báo ngay cho Công ty VP biết bằng văn bản. Qua các hợp đồng đã ký kết cũng như các hóa đơn giá trị gia tăng thì thể hiện Công ty VP đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và Công ty QK cũng không có văn bản nào chứng minh Công ty VP còn nợ 500.000.000 đồng do phát sóng thiếu hay chưa phát sóng.

- Bị đơn cho rằng trong các hợp đồng dịch vụ đã thực hiện giữa hai bên cũng như các văn bản mà Công ty QK xuất trình thì không có căn cứ nào thể hiện là Công ty VP phát sóng thiếu hay chưa phát sóng cũng như còn nợ lại Công ty QK số tiền 500.000.000 đồng được xuất phát từ hợp đồng cụ thể nào.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty QK.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/KDTM-ST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân quận TB đã quyết định:

1/- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH Quảng cáo VP thanh toán cho Công ty TNHH QK số tiền 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH QK phải nộp là 24.000.000 (*Hai mươi bốn triệu*) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0005385 ngày 04/02/2016 của Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Công ty TNHH QK còn phải nộp thêm 12.000.000 (*Mười hai triệu*) đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Công ty QK đã có yêu cầu kháng cáo bản án do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty QK.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 18/2017/KDTM-ST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân quận TB do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan và đúng quy định pháp luật.

Bị đơn không kháng cáo do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn và luật sư của nguyên đơn trình bày: tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn có trình bày là Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, nay nguyên đơn xác định lại tranh chấp giữa nguyên đơn và Công ty VP xuất phát từ hợp đồng dịch vụ và thực tế là hai bên đã ký kết khoảng 19 hợp đồng dịch vụ, cụ thể nguyên đơn mua sóng truyền hình của Đài phát thanh và truyền hình VL (gọi tắt là Đài VL) thông qua hợp đồng dịch vụ với Công ty VP. Với 19 hợp đồng nêu trên, việc thực hiện các hợp đồng này đã tạo thành tập quán thanh toán như sau: trước khi ký hợp đồng nguyên đơn ứng trước số tiền hợp đồng (tiền cọc do đã biết trước), số tiền ứng trước này có trị giá bằng giá trị hợp đồng trừ đi 5% VAT, do tin tưởng hai bên không có lập biên bản ghi nhận. Sau khi hợp đồng được ký kết, nguyên đơn thanh toán cho Công ty VP số tiền khác đúng bằng số tiền của hợp đồng, 01 ngày sau khi nguyên đơn thanh toán số tiền của hợp đồng thì Công ty VP trả lại số tiền ứng trước ban đầu (tiền cọc).

Tuy nhiên, trong 19 hợp đồng thì có Hợp đồng số 56/VP-QK/HĐKT-2012 ngày 01/7/2012 có giá trị hợp đồng là 1.865.340.000 đồng, cá nhân bà Nguyễn Thị Minh T (giám đốc Công ty QK) ứng trước tiền cọc cho ông Nguyễn Văn P – Giám đốc Công ty VP số tiền 1.776.514.286 đồng bằng tiền mặt. Sau khi ký kết Hợp đồng số 56, nguyên đơn thực hiện các công đoạn như đã nêu trên thì Công ty VP trả lại cho bà T tiền cọc qua tài khoản cá nhân của bà, gồm Đợt 1 ngày 15/8/2012 số tiền là 500.000.000 đồng, Đợt 2 ngày 19/9/2012 số tiền là 717.880.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng chưa trả. Do hai bên vẫn làm ăn với nhau bằng nhiều hợp đồng mua bán sóng khác nên đến Năm 2014, bà T mới yêu cầu Công ty VP thanh toán số tiền 500.000.000 đồng còn thiếu từ Hợp đồng số 56 này. Hai bên gặp nhau 03 lần, ông P đều khẳng định đã ký séc chi 500.000.000 đồng cho bà Lại Thị Anh Tr – Kế toán trưởng Công ty VP để bà Tr trả cho bà T, nhưng đến thời điểm này bà T không nhận được số tiền này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc Công ty VP phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng của Hợp đồng số 56 nêu trên.

- Bị đơn và luật sư của bị đơn: với phần trình bày của Công ty QK cũng như luật sư của Công ty QK thì bị đơn xác định việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mà Công ty QK trình bày là không đúng sự thật, chứng cứ để chứng minh. Quy trình mà hai bên thực hiện hợp đồng như sau:

+ Bị đơn có kế hoạch từ đầu năm là mua tổng thời lượng phát sóng cả năm tại Đài VL, nên khi Công ty QK gửi văn bản đến Công ty VP yêu cầu phát sóng (có thời gian cụ thể), bị đơn sẽ gửi đến Đài VL yêu cầu phát sóng, Đài VL có văn bản trả lời cho bị đơn đồng ý hoặc không đồng ý, nếu đồng ý thì bị đơn sẽ gửi cho Công ty QK văn bản xác nhận phát sóng của Đài VL.

+ Khi Công ty QK nhận được văn bản xác nhận phát sóng của Đài VL thì hai bên tiến hành ký kết và thực hiện hợp đồng, cụ thể là Hợp đồng số 56/VP-QK/HĐKT-2012 ngày 01/7/2012 thì Công ty QK có trách nhiệm thực hiện theo Điều 2 của hợp đồng là quy định về giá trị và phương thức thanh toán. Công ty QK đã chuyển 1.717.880.000 đồng (theo Điều 2 của hợp đồng là 1.865.340.000 đồng). Số tiền chênh lệch này là khoản tiền chiết khấu mà bị đơn trích trả cho cá nhân bà Nguyễn Thị Minh T. Tuy nhiên, bị đơn vẫn xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty QK đúng theo giá trị hợp đồng và khai báo thuế đầy đủ. Việc chuyển tiền thanh toán hợp đồng thì Công ty QK có thể chuyển sau (do hai bên đã làm ăn lâu năm), nhưng về mặt hóa đơn thì bị đơn thực hiện đúng theo hợp đồng. Do đó, Hợp đồng số 56 nêu trên thực tế là đã phát sóng trước khi Công ty QK chuyển tiền.

+ Đài VL đã phát sóng thì Đài sẽ gửi cho bị đơn giấy chứng nhận phát sóng, sau đó bị đơn gửi cho Công ty QK bản phô tô đề nghị phát sóng kèm giấy chứng nhận phát sóng để Công ty QK theo dõi, kiểm tra, khiếu nại nếu có. Công ty QK không có khiếu nại và bị đơn đã xuất cho Công ty QK Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000106 ngày 30/7/2012. Như vậy, Hợp đồng số 56 hai bên đã thực hiện xong.

Do đó, kháng cáo của Công ty QK là không có cơ sở.

- Ý kiến phát biểu thêm của nguyên đơn:

+ Quá trình thực hiện Hợp đồng 56, Công ty VP chỉ trả 500.000.000 đồng thông qua bà Lại Thị Anh Tr nhưng bà Tr chưa thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Minh T thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Việc chưa thanh toán 500.000.000 đồng được thể hiện rõ về mặt thời gian qua bảng kê ngân hàng. Mặt khác, việc chưa thanh toán khoản nợ này được xác định qua hai văn bản của Công ty VP gửi cho nguyên đơn.

+ Công ty VP cho rằng số tiền hoa hồng cho bà T khoảng 3,6 tỷ đồng là không hợp lý do tổng số tiền của các hợp đồng được ký kết giữa hai bên chỉ hơn 3,6 tỷ đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc Công ty VP hoàn trả lại cho nguyên đơn 500.000.000 đồng.

- Ý kiến phát biểu thêm của bị đơn:

+ Công ty QK cho rằng trước khi ký kết Hợp đồng số 56, cá nhân bà Nguyễn Thị Minh T chuyển tiền vào tài khoản bị đơn nhưng không có chứng từ chứng minh, bị đơn xác định không có việc này xảy ra.

+ Tranh chấp Hợp đồng số 56 là giữa hai công ty không liên quan đến bà Lại Thị Anh Tr. Đài VL đã phát sóng, Công ty QK không khiếu nại gì đến bị đơn và bị đơn đã phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000106 ngày 30/7/2012, chứng tỏ Hợp đồng số 56 đã thực hiện xong. Do mối quan hệ trong kinh doanh, bị đơn đã chấp nhận cho Công ty QK thanh toán chậm so với thời gian ra Hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Với việc có Hóa đơn giá trị gia tăng, bị đơn báo cáo nghiêm túc với cơ quan thuế.

+ Với hai Văn bản ngày 11/02/2015, ngày 27/02/2015 gửi cho Công ty QK, bị đơn không khẳng định là còn nợ Công ty QK số tiền 500.000.000 đồng.

+ Hoa hồng môi giới là khoản tiền ngoài công ty, khoản tiền này có được là do các cá nhân thành viên Công ty VP tự đóng góp để trả cho bà T.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty QK mà y bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định. Nguyên đơn bắt nhất khi khởi kiện, cụ thể tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu nhiều hợp đồng, tại giai đoạn phúc thẩm chỉ yêu cầu Hợp đồng số 56. Nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, nên căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào việc nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Hai bên cũng không thỏa thuận giải quyết vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm

sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo của nguyên đơn như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định. Qua các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ thì đây là tranh chấp một hợp đồng dịch vụ, việc ký kết và thực hiện hợp đồng thể hiện pháp nhân với pháp nhân mà không có một tài liệu nào trong hồ sơ xác định bà Lại Thị Anh Tr và bà Nguyễn Thị Minh T liên quan đến Hợp đồng số 56. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hai người nêu trên tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Nguyên đơn cho rằng trước khi ký Hợp đồng số 56/VP-QK/HĐKT-2012 ngày 01/7/2012 có giá trị hợp đồng là 1.865.340.000 đồng, cá nhân bà Nguyễn Thị Minh T (giám đốc Công ty QK) ứng trước tiền cọc cho ông Nguyễn Văn P – Giám đốc Công ty VP số tiền 1.776.514.286 đồng bằng tiền mặt. Sau khi ký kết Hợp đồng số 56, nguyên đơn thanh toán cho Công ty VP số tiền khác đúng bằng số tiền của Hợp đồng số 56 thì 01 ngày sau Công ty VP trả lại cho bà T tiền cọc qua tài khoản cá nhân của bà, gồm Đợt 1 ngày 15/8/2012 số tiền là 500.000.000 đồng, Đợt 2 ngày 19/9/2012 số tiền là 717.880.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng chưa trả. Do hai bên vẫn làm ăn với nhau bằng nhiều hợp đồng mua bán sóng khác nên đến năm 2014, bà T mới yêu cầu Công ty VP thanh toán số tiền 500.000.000 đồng còn thiếu từ Hợp đồng số 56 này thì vấn đề này nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh, mặt khác bị đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để được chấp nhận. Riêng về bà Lại Thị Anh Tr thì như phân tích nêu trên bà Tr không đại diện cho Công ty VP để thực hiện Hợp đồng số 56, còn hai Văn bản đề ngày 11/02/2015 và ngày 27/02/2015 thì không xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng của Hợp đồng số 56 hay Hợp đồng số 71/VP-QK/HĐKT-2012 ngày 01/10/2012. Giả sử, bị đơn có nợ bà T 500.000.000 đồng thì người khởi kiện là bà T, không phải là Công ty QK kiện.

Với phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng, còn nội dung bản án là chính xác.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm đã xác định.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 74, Điều 78, Điều 79 Luật Thương mại 2005;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH QK, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH QK về việc buộc Công ty TNHH Quảng cáo VP thanh toán số tiền 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng.

2/- Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH QK phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.000.000 (*Hai mươi bốn triệu*) đồng. Số tiền án phí này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Công ty TNHH QK đã nộp là 12.000.000 đồng theo Biên lai thu số AB/2014/0005385 ngày 04/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Công ty TNHH QK còn phải nộp thêm 12.000.000 (*Mười hai triệu*) đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH QK phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0012263 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận TB;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Dũng